

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 273/2019/HS - ST
Ngày: 03/10/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trọng Quân

Ông Trịnh Xuân Tính

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh hoá tham gia phiên toà:

Bà Vũ Thị Tú - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 305/2019/HSST/TLST - HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2019/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, Sinh năm 1983; Nơi cư trú: Phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hóa 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Thanh Đ (đã chết) con bà Lê Thị L; có chồng: Lê Quang H (đã ly hôn); bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang tại ngoại “ Có mặt”.

2. Lê Hoài N, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bị cáo là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt nam (đã bị xóa tên đảng viên, theo Quyết định số 71 – QĐ/TU ngày 20/8/2019 của Thành ủy thành phố Thanh Hóa); Con ông: Lê Quang H và bà Đặng Thị H; Có vợ: Lương Thị Gi và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang tại ngoại “ Có mặt”.

3. Phạm Thị Hương L, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Thế S (đã chết) con bà Đỗ Thị L; Có chồng: Trần Viết T (đã chết); bị cáo có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang tại ngoại “ Có mặt”.

4. Trịnh Thị Lan H, Sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trịnh

Thanh H và bà Nguyễn Thị H; Có chồng Lê Anh T và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang tại ngoại “ Có mặt”.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty Bảo hiểm hàng không N “ Văng”
Địa chỉ: Thành phố N, tỉnh Ninh Bình.
Người đại diện: Ông Lê Văn H - Giám đốc
2. Công ty TNHH xây dựng và thương mại H “ Văng”
Địa chỉ: Huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Người đại diện: Ông Lê Trọng H
3. Ông Vũ Đăng B – Chủ Doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương mại và du lịch B. “ Văng”
Địa chỉ: Xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
4. Công ty TNHH Mạnh Hùng Qu “ Văng”
Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Người đại diện: Ông Phạm Văn H
5. Ông Vũ Trọng T– Công ty TNHH KDXD T “ Văng”
Địa chỉ: Xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
6. Anh Nguyễn Thành Đ– Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng D
Địa chỉ: Phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. “ Văng”
7. Anh Lê Quang H – Công ty TNHH sản xuất thương mại vật liệu xây dựng và dịch vụ H. “ Văng”
Địa chỉ: Phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/5/2018 Đội Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Thanh Hóa thực hiện Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa về việc: Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại nơi ở của Nguyễn Thị H tại số nhà 44, LK 8 Khu đô thị Đông Sơn, phường A, thành phố T, liên quan đến hành vi mua bán hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) của Doanh nghiệp tư nhân sản xuất vật liệu xây dựng và thương mại T (nay là Công ty TNHH Sản xuất VLXD và TM T) (gọi tắt là DN T hay Công ty T), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801897240, do Sở kế hoạch đầu tư cấp ngày 23/8/2012, có trụ sở tại: Nhà bà Lê Thị H, Khối 2, Thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Doanh nghiệp nhiều lần thay đổi chủ doanh nghiệp (lần thứ 3 ngày 20/5/2014, chủ doanh nghiệp là Nguyễn Thị H) thay đổi lần thứ 4 ngày 21/8/2017, chuyển đổi thành Công ty TNHH Sản xuất VLXD và TM T) trụ sở tại khu phố 3, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 37 Hóa đơn giá trị gia tăng, ghi nội dung ăn uống tiếp khách và vật liệu xây dựng do Doanh nghiệp T xuất bán không (không kèm

theo hàng hóa, dịch vụ) cho 04 công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (thời điểm từ tháng 12/2016 đến tháng 3/2017) với tổng giá trị hàng hóa ghi trong hóa đơn là 555.670.000đ; thuế giá trị gia tăng là 55.567.000đ. Cụ thể như sau:

Bán cho Công ty cổ phần bảo hiểm hàng không N 12 hóa đơn GTGT gồm các số: 0000621, 0000628, 0000643, 0000676, 0000701, 0000722, 0000738, 0000750, 0000755, 0000765, 0000785, 0000799 (thời điểm từ tháng 01/2017 đến tháng 03/2017), nội dung tiếp khách, ăn uống tổng số tiền hàng là 50.900.000 đ; thuế giá trị gia tăng là 5.090.000đ.

Thực tế Công ty N không có tiếp khách ăn uống tại Doanh nghiệp T, mà do Lê Hoài N (là Trưởng phòng kinh doanh của công ty) thông qua bạn là Trịnh Thị Lan H nhờ mua hóa đơn để thanh toán với công ty, H đã liên lạc với Phạm Thị Hương L nhờ hỏi mua hóa đơn cho N, Lại đồng ý và liên lạc với Nguyễn Thị H thống nhất nội dung ghi trong hóa đơn và số tiền thanh toán. Sau đó Lại đến nhà H lấy hóa đơn rồi chuyển lại cho H và N (trong đó 2 lần H trực tiếp nhận 08 hóa đơn rồi chuyển lại cho N; 01 lần H đi cùng N nhận 04 hóa đơn từ Lại).

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị H, Lê Hoài N, Trịnh Thị Lan H và Phạm Thị Hương L đều khẳng định 12 hóa đơn mà Doanh nghiệp T xuất bán cho Công ty Nam Hồng H là không có dịch vụ ăn uống, tiếp khách kèm theo. Đủ cơ sở xác định hành vi của Phạm Thị Hương L, Trịnh Thị Lan H và Lê Hoài N tham gia vai trò đồng phạm với Nguyễn Thị Huyền trong việc mua bán trái phép 12 hóa đơn giá trị gia tăng.

Bán cho Doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương mại và dịch vụ B, có trụ sở ở thôn X, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa 19 hóa đơn GTGT gồm các số: 0000466, 0000487, 0000494, 0000495, 0000482, 0000484, 0000496, 0000497, 0000498, 0000499, 0000577, 0000585, 0000596, 0000613, 0000615, 0000614, 0000646, 0000656, 0000719(từ tháng 11/2016 đến tháng 2/2017), nội dung tiếp khách, ăn uống tổng số tiền hàng là 73.120.000 đ; thuế giá trị gia tăng là 7.312.000đ.

Thực chất kế toán DN B chính là Nguyễn Thị H (Huyền được giám đốc DN B là anh Vũ Đăng B – sinh năm 1987 thuê làm kế toán). Quá trình ăn uống, tiếp khách trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trực tiếp anh B đi cùng với H, đồng thời giao cho H lấy hóa đơn để làm báo cáo thuế. Tuy nhiên H không lấy hóa đơn của những đơn vị mà DN B có sử dụng dịch vụ, mà lại lấy hóa đơn của DN T rồi ghi không nội dung ăn uống, tiếp khách xuất bán cho Doanh nghiệp B.

Bán cho Công ty TNHH xây dựng và Thương mại H, có trụ sở tại thôn 5, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa 03 Hóa đơn GTGT gồm các số : 0000099, 0000120, 0000253 (thời điểm từ tháng 11/2017 đến tháng 12/2017), nội dung hàng hóa là cát bê tông, với tổng số tiền hàng hóa là 31.255.000đ, thuế GTGT là 3.125.500đ.

Bán cho Công ty TNHH Mạnh Hùng Qu, có trụ sở tại khu 7 Thị Trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa 03 hóa đơn GTGT gồm các số 0000568, 000584 (thời điểm tháng 12/2016) và 0000180 (tháng 12/2017), nội dung hàng hóa là vật liệu

xây dựng, thuê máy, với tổng số tiền hàng hóa là 400.395.000đ, thuế GTGT là 40.039.500đ.

Tại Kết luận giám định số 2064/KLGD – PC 09 ngày 08/11/2018 xác định: Các hình dấu màu đỏ nội dung : “ Doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương mại và dịch vụ T” trên 19 tờ hóa đơn cần giám định so với hình dấu màu đỏ có cùng nội dung trên (tài liệu so sánh) là cùng một con dấu đóng ra.

Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký Nguyễn Thị H trên tài liệu so sánh là do cùng một người ký ra.

Ngoài ra, Nguyễn Thị H còn mượn chứng minh nhân dân và căn cước của người thân và bạn bè thành lập 09 công ty trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và Chi cục thuế nơi các Công ty đăng ký trụ sở ghi trong giấy phép kinh doanh do Sở kế hoạch đầu tư cấp, thực tế cả 09 công ty đều không có cơ sở vật chất gì (Huyền chỉ lấy địa điểm để đăng ký trụ sở công ty), không có nhân công, không có máy móc, phương tiện, kho xưởng, hàng hoá. Trong đó chỉ có 05 Công ty có báo cáo Cơ quan thuế về hoạt động xuất bán hóa đơn GTGT là: Công ty TNHH Sản xuất VLXD D, có trụ sở tại nhà ông Lê Đức N, xóm 2 xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, giám đốc là Nguyễn Thanh Đ; Công ty TNHH SXTM VLXD H, trụ sở tại nhà ông Nguyễn Văn N, xóm 8, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, giám đốc là Lê Quang H (chồng của H); Công ty TNHH kinh doanh xây dựng T, có trụ sở tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, giám đốc là Vũ Trọng T; Công ty TNHH Đạt Huy D, có trụ sở tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, giám đốc là Lại Thị T và Công ty TNHH một thành viên Trang Tuấn P, có trụ sở tại khối 2 thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, giám đốc là Nguyễn Thị H.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thu giữ được 19 Hóa đơn GTGT (liên 2) của 03 Công ty do Nguyễn Thị H lập khống (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) xuất bán cho 03 Công ty trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với tổng giá trị hàng hóa là 558.846.800đ, thuế GTGT là 55.884.680. Cụ thể:

Công ty D xuất bán cho Doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương mại và dịch vụ B (do H làm Kế toán) 09 hóa đơn GTGT gồm các số: 0000276, 0000280, 0000282, 0000292, 0000296, 0000302, 0000308, 0000319, 0000324 (thời điểm từ tháng 01/2017 đến tháng 02/2017), nội dung tiếp khách ăn uống, với tổng giá trị hàng hóa là 49.930.000đ, thuế GTGT là 4.993.000đ.

Công ty H xuất bán cho Doanh nghiệp B 06 Hóa đơn GTGT gồm các số: 0000030, 0000032, 0000037, 0000040, 0000041, 0000049 (thời điểm từ tháng 1/2017 đến tháng 3/2017), ghi nội dung tiếp khách ăn uống với tổng giá trị hàng hóa là 53.095.000đ, thuế GTGT là 5.309.500đ; xuất bán cho Công ty TNHH Mạnh Hùng Q 01 hóa đơn số 0000054 ngày 21/5/2017, ghi nội dung vật liệu xây dựng với tổng giá trị hàng hóa là 128.536.800đ, thuế GTGT là 12.853.680đ.

Công ty Thành Công xuất bán Công ty TNHH Mạnh Hùng Q 03 hóa đơn GTGT, gồm các số: 0000056, 0000059, 0000064 (thời điểm tháng 3/2018), nội

dung vật liệu xây dựng, với tổng giá trị hàng hóa là 327.285.000đ, thuế GTGT là 32.728.500đ.

Tại kết luận giám định số 212/KLGD – PC09 ngày 14/01/2019 xác định: Các hình dấu màu đỏ nội dung : “ Công ty TNHH SXVLXD D” “ Công ty TNHH SXTM VLXD và DV H” “ Cty T.N.H.H kinh doanh xây dựng T” trên 19 tờ hóa đơn cần giám định so với hình dấu màu đỏ có cùng nội dung trên (tài liệu so sánh) là cùng một con dấu đóng ra

Đối với các chữ ký đứng tên Nguyễn Thanh Đ, Vũ Trọng T trên các tài liệu cần giám định, do không có mẫu chữ ký so sánh thời điểm năm 2017 nên không có căn cứ giám định.

Như vậy, tổng số hóa đơn GTGT Nguyễn Thị H đã lập không xuất bán là 56 hóa đơn, với tổng giá trị hàng hóa là 1.114.516.800đ, thuế GTGT là 11.451.680 (tổng thanh toán là 1.225.968.480đ), trong đó 46 hóa đơn ghi nội dung ăn uống, tiếp khách và 10 hóa đơn ghi nội dung vật liệu xây dựng cho 4 đơn vị gồm: Công ty Bảo hiểm hàng không N12 Hóa đơn GTGT (nội dung ăn uống tiếp khách) với tổng giá trị hàng hóa là 50.900.000đ, thuế GTGT là 5.090.000đ (tổng thanh toán là 55.990.000đ); DNTN B 34 Hóa đơn GTGT (nội dung ăn uống tiếp khách) với tổng giá trị hàng hóa là 176.145.000đ, thuế GTGT là 17.614.500đ (tổng thanh toán là 193.759.500đ); Công ty TNHH Mạnh Hồng Q 07 Hóa đơn GTGT (vật liệu xây dựng, thuê máy) với tổng giá trị hàng hóa là 856.216.800đ, thuế GTGT là 85.621.680đ(tổng thanh toán là 941.838.480đ); Công ty TNHH H 03 Hóa đơn GTGT (vật liệu xây dựng) với tổng giá trị hàng hóa là 31.255.000đ, thuế GTGT là 3.125.500đ (tổng thanh toán là 34.380.500đ). Số tiền thu lợi bất chính Nguyễn Thị H nhận được từ việc bán 56 hoá đơn GTGT trên là 73.095.258đ.

Tại bản cáo trạng số 144 / CT - VKS - TPTH ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh hoá truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội: “Mua bán trái phép hoá đơn thu nộp ngân sách nhà nước” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; Lê Hoài N, Phạm Thị Hương L và Trịnh Thị Lan H về tội: “Mua bán trái phép hoá đơn thu nộp ngân sách nhà nước” theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh hoá luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo; Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS (khoản 2 Điều 51 BLHS áp dụng thêm đối với bị cáo N): Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hoài N mức án từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Phạm Thị Hương L mức án từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Trịnh Thị Lan H mức án từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo;

Các bị cáo nhận tội và công nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng và không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Công an thành phố Thanh hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/ 2016 đến tháng 3/2018, Nguyễn Thị H là giám đốc Doanh nghiệp tư nhân sản xuất vật liệu xây dựng và thương mại T (nay là Công ty TNHH Sản xuất VLXD và TM T) đã lập khống 37 Hóa đơn GTGT và mượn Chứng minh nhân dân thành lập 03 Công ty (Công ty TNHH Sản xuất VLXD D, Công ty TNHH SXTM VLXD H; Công ty TNHH kinh doanh xây dựng T) và sử dụng hóa đơn GTGT đã đăng ký lập khống 19 Hóa đơn GTGT, tổng là 56 Hoá đơn GTGT, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo với tổng giá trị hàng hóa thanh toán là 1.225.968.480đ (bao gồm cả thuế GTGT) rồi bán cho 04 đơn vị gồm: Công ty cổ phần bảo hiểm hàng không N, Doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương mại và dịch vụ B, Công ty TNHH xây dựng và Thương mại H và Công ty TNHH Mạnh Hùng Q, thu lợi bất chính số tiền 73.095.258đ.

Đối với Lê Hoài N, Phạm Thị Hương L và Trịnh Thị Lan H tham gia vai trò đồng phạm với Nguyễn Thị Huyền trong việc mua bán trái phép 12 hóa đơn GTGT do Công ty Trang Phát Đạt lập khống xuất bán cho Công ty N.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai trước đây các bị cáo đã khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lập chứng từ, hóa đơn khống bán cho các đơn vị của các bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội : “Mua

bán trái phép hoá đơn thu nộp ngân sách nhà nước”; Bị cáo H mua bán 56 hóa đơn thuộc tình tiết định khung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 BLHS; Các bị cáo Lê Hoài N; Phạm Thị Hương L và bị cáo Trịnh Thị Lan H tham gia đồng phạm với Nguyễn Thị Huyền trong việc mua bán trái phép 12 hóa đơn GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLHS năm 2015, như cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án, mức độ phạm tội và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy rằng: Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Hoài N; Phạm Thị Hương L và bị cáo Trịnh Thị Lan H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định về chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế.

Trong vụ án này: Xác định đây là một vụ án đồng phạm giản đơn trong việc mua bán 12 hóa đơn cho Công ty cổ phần bảo hiểm hàng không N, đối với hành vi này bị cáo N là người đề xuất, bị cáo H và bị cáo Lan H giúp bị cáo N mua hóa đơn của bị cáo H, bị cáo H là người có vai trò chính trong vụ án, các bị cáo N, Lan H và bị cáo L có vai trò bằng nhau và thấp hơn bị cáo H là phù hợp.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Cả bốn bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo N; Lan H và bị cáo L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 20/5/2019 bị cáo H đã tự nguyện nộp số tiền 40.000.000đ thu lợi bất chính, ngày 14/5/2019 bị cáo đã tự nguyện nộp cho Quỹ từ thiện nạn nhân chất độc da cam Thanh Hóa số tiền 4.000.000đ; bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi ba con nhỏ, trong đó có một cháu sinh ngày 04/01/2018 (dưới ba tuổi). Nên bị cáo H được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo N có bố đẻ tham gia công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân, là bệnh binh, mất sức lao động 61%, nên bị cáo Nam được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, mà để các bị cáo được cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát của chính quyền cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng:

Cơ quan điều tra thu giữ 17 con dấu: Trong đó có 03 con dấu Công ty; 03 con dấu chức danh; 03 dấu hình chữ ký và 08 hộp dấu đã bị bóc phần hình dấu và 17 USB là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đã bị vỡ nát và bong màn hình do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng là 01 laptop; 01 cây máy tính là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

Vật chứng được xử lý theo quy định tại khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[7] Đối với số tiền do bị cáo H thu lợi bất chính 73.095.258đ (Bảy mươi ba triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, hai trăm năm mươi tám đồng) cần truy thu để tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. Công nhận bị cáo H đã tự nguyện nộp số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật Hình sự (áp dụng đối với bị cáo H);

Khoản 1 Điều 203; điểm i; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (áp dụng đối với bị cáo N; L và bị cáo H); Khoản 2 Điều 51 BLHS (áp dụng thêm đối với riêng bị cáo Nam);

Căn cứ Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án (áp dụng chung đối với cả bốn bị cáo);

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Hoài N, Phạm Thị Hương L và bị cáo Trịnh Thị Lan H phạm tội “ Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”;

Xử phạt: Nguyễn Thị H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48(Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường A, thành phố T, Tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Lê Hoài N 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường Đ, thành phố T, Tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Phạm Thị Hương L 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, Tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Trịnh Thị Lan H 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn R, huyện Đ, Tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về số tiền thu lời bất chính: Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 73.095.258đ (Bảy mươi ba triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, hai trăm năm mươi tám đồng). Công nhận bị cáo đã nộp số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) theo phiếu thu ngày 20/5/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa, tiếp tục truy thu của bị cáo Huyền số tiền 33.095.258đ (Ba mươi ba triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, hai trăm năm mươi tám đồng).

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 17 con dấu gồm: Dấu chức danh, dấu chữ ký và dấu Công ty; Tịch thu tiêu hủy 17 USB và 01 điện thoại Iphone đã vỡ nát.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 laptop; 01 cây máy tính.

Toàn bộ vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 137 ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa Công an thành phố Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- Người LQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Tân

